

BỘ TƯ PHÁP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**



**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 940/QĐ-ĐHLHN ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Hà Nội, tháng 3 năm 2023

**MỤC LỤC**

<b>Mục/tiểu mục</b>	<b>Trang</b>
1. Quyết định về việc ban hành “Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2023”	3
2. Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2023	4
I. Thông tin chung	4
II. Tuyển sinh đào tạo chính quy	11
1. Tuyển sinh chính quy đại học	11
2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ đại học trở lên	25
III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học	27
1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT	27
2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ đại học trở lên	30
3. Phụ lục: Các điều kiện bảo đảm chất lượng	33

BỘ TƯ PHÁP  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI  
Số: 940/QĐ-ĐHLHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành “Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2023”

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

*Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);*

*Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;*

*Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;*

*Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2023”.

**Điều 2.** Đề án tuyển sinh có thể được điều chỉnh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc căn cứ vào tình hình tuyển sinh thực tế.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và thành viên Hội đồng tuyển sinh năm 2023 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4 (để t/h);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo t/h);
- Công TTĐT của Trường (để đưa tin);
- Lưu: VT, ĐTDH (20).



## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 940/QĐ-ĐHLHN ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên cơ sở đào tạo:

Tên tiếng Việt của cơ sở đào tạo: Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên tiếng Anh của cơ sở đào tạo: “Hanoi Law University”

#### 2. Mã trường: LPH

#### 3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

\* Trụ sở chính của Trường: số 87 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

\* Phân hiệu của Trường: Tổ dân phố 8, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

#### 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://hlu.edu.vn>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo có thông tin tuyển sinh: Địa chỉ trang mạng xã hội: [www.facebook.com/tuyensinhdhlhn](http://www.facebook.com/tuyensinhdhlhn)

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 1900.1205 hoặc 024.3835.1879

#### 7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hlu.edu.vn>.

Sau đây là kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
I. Lĩnh vực pháp luật					

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
1. Luật	Đại học	1510	1492	1402	87.45
2. Luật Kinh tế	Đại học	450	440	283	93.36
3. Luật Thương mại quốc tế	Đại học	205	199	101	93.07
<b>II. Lĩnh vực Nhân văn</b>					
1. Ngôn ngữ Anh	Đại học	200	193	41	92.68
Tổng		2365	2324	1827	88.97

### 8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất (2021, 2022):

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tuyensinh.hlu.edu.vn>

#### 8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

\* Năm 2021, Trường áp dụng các phương thức tuyển sinh sau:

- Phương thức 1: Xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia của Đài truyền hình Việt Nam.

- Phương thức 2: Xét tuyển (theo ngành) dựa trên kết quả học tập của bậc THPT.

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho từng ngành.

- Phương thức 4 (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ): Ngoài áp dụng các phương thức trên, Trường xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

\* Năm 2022: Trường áp dụng các phương thức tuyển sinh sau:

- Phương thức 1: Xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia của Đài truyền hình Việt Nam.

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT năm 2022 theo các tổ hợp được xác định cụ thể theo từng ngành.

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho từng ngành.

- Phương thức 4 (đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ): Trường xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc tương đương.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực pháp luật</b>							
	<b>-Ngành Luật</b>		<b>1180</b>	<b>1227</b>		<b>1280</b>	<b>1323</b>	
	Tổ hợp 1: A00	Xét kết quả học tập bậc THPT			26.45			27.69
	Tổ hợp 2: A01				25.61			27.72
	Tổ hợp 3: C00				26.41			27.68
	Tổ hợp 4: D01				26.02			26.30
	Tổ hợp 5: D02				26.02			26.30
	Tổ hợp 6: D03				26.02			26.30
	Tổ hợp 7: D05				26.02			26.30
	Tổ hợp 8: D06				26.02			26.30
	Tổ hợp 1: A00	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/THPTQG			25.35			25.35
	Tổ hợp 2: A01				25.75			24.95
	Tổ hợp 3: C00				28.00			28.75
	Tổ hợp 4: D01				26.55			25.80
	Tổ hợp 5: D02				26.55			25.80
	Tổ hợp 6: D03				26.55			25.80
	Tổ hợp 7: D05				26.55			25.80
	Tổ hợp 8: D06				26.55			25.80
	<b>-Ngành Luật Kinh tế</b>		<b>350</b>	<b>362</b>		<b>450</b>	<b>440</b>	

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	Tổ hợp 1: A00	Xét kết quả học tập bậc THPT			28.30			29.10
	Tổ hợp 2: A01				28.41			29.52
	Tổ hợp 3: C00				27.16			28.94
	Tổ hợp 4: D01				27.52			27.55
	Tổ hợp 5: D02				27.52			27.55
	Tổ hợp 6: D03				27.52			27.55
	Tổ hợp 7: D05				27.52			27.55
	Tổ hợp 8: D06				27.52			27.55
	Tổ hợp 1: A00	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/THPTQG			26.25			26.35
	Tổ hợp 2: A01				26.90			26.55
	Tổ hợp 3: C00				29.25			29.50
	Tổ hợp 4: D01				27.25			26.80
	Tổ hợp 5: D02				27.25			26.80
	Tổ hợp 6: D03				27.25			26.80
	Tổ hợp 7: D05				27.25			26.80
	Tổ hợp 8: D06				27.25			26.80
	<b>-Ngành Luật (đào tạo tại Phân hiệu Đắk Lắk)</b>		<b>130</b>	<b>181</b>		<b>130</b>	<b>136</b>	
	Tổ hợp 1: A00	Xét kết quả học tập bậc THPT			20.15			21.00
	Tổ hợp 2: A01				20.15			21.00
	Tổ hợp 3: C00				20.15			21.00
	Tổ hợp 4: D01				20.15			21.00

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	Tổ hợp 5: D02				20.15			21.00
	Tổ hợp 6: D03				20.15			21.00
	Tổ hợp 7: D05				20.15			21.00
	Tổ hợp 8: D06				20.15			21.00
	Tổ hợp 1: A00				18.40			19.00
	Tổ hợp 2: A01				18.65			19.00
	Tổ hợp 3: C00				22.75			24.50
	Tổ hợp 4: D01	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/ THPTQG			18.00			19.90
	Tổ hợp 5: D02				18.00			19.90
	Tổ hợp 6: D03				18.00			19.90
	Tổ hợp 7: D05				18.00			19.90
	Tổ hợp 8: D06				18.00			19.90
	<b>-Ngành Luật (chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ)</b>			<b>100</b>	<b>44</b>		<b>100</b>	<b>33</b>
	Tổ hợp 1: A00	Xét kết chứng chỉ tiếng Anh			9.50			9.00
	Tổ hợp 2: A01							
	Tổ hợp 3: C00							
	Tổ hợp 4: D01							
	Tổ hợp 5: D02							
	Tổ hợp 6: D03							
	Tổ hợp 7: D05							
	Tổ hợp 8: D06							



TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	Tổ hợp 1: A00	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/ THPTQG			21.30			
	Tổ hợp 2: A01				23.15			
	Tổ hợp 3: C00				25.25			
	Tổ hợp 4: D01				25.65			
	Tổ hợp 5: D02				25.65			
	Tổ hợp 6: D03				25.65			
	Tổ hợp 7: D05				25.65			
	Tổ hợp 8: D06				25.65			
	<b>-Ngành Luật thương mại quốc tế</b>		<b>120</b>	<b>113</b>		<b>205</b>	<b>199</b>	
	Tổ hợp 1: A01	Xét kết quả học tập bậc THPT			27.42			27.25
	Tổ hợp 2: D01				26.85			26.22
	Tổ hợp 1: A01	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT/ THPTQG			26.20			24.95
	Tổ hợp 2: D01				26.90			26.05
2.	<b>Lĩnh vực nhân văn</b>							
	<b>- Ngành Ngôn ngữ Anh</b>		<b>120</b>	<b>128</b>		<b>200</b>	<b>193</b>	
	Tổ hợp 1: A01	Xét kết quả học tập bậc THPT			25.42			24.69
	Tổ hợp 2: D01				24.48			24.74
	Tổ hợp 1: A01	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp			25.35			24.35

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	Tổ hợp 2: D01	THPT/ THPTQG			26.25			25.45
	<b>Tổng</b>		<b>2000</b>	<b>2055</b>		<b>2365</b>	<b>2324</b>	

### 9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hlu.edu.vn>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	Luật	7380101	405-CP	06/11/1979	1054/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1979	2022
2.	Luật Kinh tế	7380107	6249/QĐ-BGDĐT	09/12/2011	1054/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012	2022
3.	Luật Thương mại quốc tế	7380109	582/QĐ-BGDĐT	11/02/2011	1054/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2011	2022
4.	Ngôn ngữ Anh	7220201	231/QĐ-BGDĐT	17/01/2012	1054/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014	2022

### 10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hlu.edu.vn>

**11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường:**  
<http://tuyensinh.hlu.edu.vn>

**12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường:** <http://hlu.edu.vn>

## II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

### 1. Tuyển sinh chính quy đại học

#### 1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022) và các quy định của Trường, cụ thể như sau.

\* Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

\* Điều kiện dự tuyển:

Đối tượng dự tuyển được đề cập tại mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Đề án này;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

\* Đối với các ngành đào tạo có áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Trường có quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh trên nguyên tắc không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực; hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém.

\* Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Trường sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

#### 1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước.

#### 1.3. Phương thức tuyển sinh

Năm 2023, Trường Đại học Luật Hà Nội tuyển sinh chính quy đại học theo các phương thức sau đây:

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng.

- Phương thức 2: Xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức.

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho từng ngành.

- Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho từng ngành.

- Phương thức 5 (áp dụng đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào Chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ): Xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc tương đương.

Trong đó:

- Phương thức 1 được áp dụng cho các đối tượng tại Mục 1.7.3 và mục 1.8.1 đề án này.

- Phương thức 2 được áp dụng cho các đối tượng tại Mục 1.7.4 đề án này.

- Phương thức 3 được áp dụng cho các đối tượng tại Mục 1.7.5 đề án này.

- Phương thức 4 được áp dụng cho các đối tượng tại Mục 1.7.6 đề án này.

- Phương thức 5 được áp dụng cho các đối tượng tại Mục 1.7.7 đề án này.

Nếu xét tuyển theo từng đợt/đối tượng/phương thức xét tuyển trước chưa đủ chỉ tiêu thì số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển cho các đợt/đối tượng/phương thức xét tuyển sau, bảo đảm tổng số sinh viên nhập học không vượt quá tổng chỉ tiêu đã đăng ký và công bố.

*1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:*

\* Năm 2023, Trường Đại học Luật Hà Nội tuyển sinh chính quy đại học đối với 4 ngành đào tạo sau:

- Ngành Luật (MS: 7380101).
- Ngành Luật Kinh tế (MS: 7380107).
- Ngành Luật Thương mại quốc tế (MS: 7380109).
- Ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh pháp lý (MS: 7220201).

\* Tổng chỉ tiêu tuyển sinh: **2.500**.

\* Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo như sau:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.	Đại học	7380101	Luật	301	Xét tuyển thẳng	91 <sup>2</sup>	Xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.							
2.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế			11								
3.	Đại học	7380109	Luật Thương mại quốc tế			4								
4.	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh			4								

<sup>1</sup> Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

<sup>2</sup> Trong số 91 chỉ tiêu tuyển thẳng ngành Luật có 60 chỉ tiêu dành cho đối tượng học sinh các trường dự bị dân tộc và 31 chỉ tiêu dành cho các đối tượng tuyển thẳng khác theo quy định tại mục 1.7.3 và mục 1.8.1 đề án này.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
5.	Đại học	7380101	Luật	500	Xét tuyển các thí sinh tham dự cuộc thi tháng/quý/năm cuộc thi Olympia	3	Xét tuyển dựa trên việc tham dự và kết quả tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức (chi tiết xem tại Mục 1.7.4).							
6.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế			3								
7.	Đại học	7380109	Luật Thương mại quốc tế			2								
8.	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh			2								
9.	Đại học	7380101	Luật	200	Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023	578	A00		A01		C00		D01, D02, D03, D05, D06	
10.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế			268	A00		A01		C00		D01, D02, D03, D05, D06	
11.	Đại học	7380109	Luật Thương mại quốc tế			97	A01		D01					
12.	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh			97	A01		D01					
13.	Đại học	7380101	Luật (tại Phân hiệu Đắk Lắk)			100	A00		A01		C00		D01, D02, D03, D05, D06	
14.	Đại học	7380101	Luật	100	Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023	578	A00		A01		C00		D01, D02, D03, D05, D06	
15.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế			268	A00		A01		C00		D01, D02, D03, D05, D06	
16.	Đại học	7380109	Luật Thương mại quốc tế			97	A01		D01					

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>1</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
17.	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh			97	A01		D01					
18.	Đại học	7380101	Luật (tại Phân hiệu Đắk Lắk)			100	A00		A01		C00		D01, D02, D03, D05, D06	
19.	Đại học	7380101	Luật	408	Xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc tương đương (Chương trình liên kết Arizona)	100 <sup>3</sup>	Xét tuyển dựa trên chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc tương đương (Xem chi tiết tại Mục 1.5)							

<sup>3</sup> 90 chỉ tiêu cho thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 và 10 chỉ tiêu dành cho thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2023.

### 1.5. Ngưỡng đầu vào.

- Đối với phương thức xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia, ngưỡng đầu vào là thí sinh phải đạt điểm tốt nghiệp Kỳ thi THPT quốc gia năm 2023.

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023, ngưỡng đầu vào là thí sinh phải đạt điểm tốt nghiệp Kỳ thi THPT quốc gia năm 2023.

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, ngưỡng đầu vào được xác định như sau:

+ Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển và theo học tại trụ sở chính của Trường: Tổng điểm của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển C00 đạt  $\geq 20.00$  điểm, các tổ hợp khác đạt  $\geq 18.00$  điểm (không tính điểm ưu tiên). Ngoài ra, đối với ngành Luật Thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh, kết quả thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh  $\geq 7.00$  điểm.

+ Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển và theo học tại phân hiệu của Trường tại tỉnh Đắk Lắk: Tổng điểm của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển đạt  $\geq 15.00$  điểm (không tính điểm ưu tiên).

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc tương đương (Chương trình liên kết đào tạo ngành Luật với Đại học Arizona), thí sinh phải đạt điểm tốt nghiệp THPT với tổng điểm 3 môn của một trong số các tổ hợp xét tuyển vào ngành Luật của Trường đạt từ 15 điểm trở lên, có trình độ tiếng Anh IELTS Academic đạt 5,5 điểm hoặc TOEFL iBT đạt 59 điểm. Đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT quốc tế phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của Trường:

- Mã Trường Đại học Luật Hà Nội: LPH

- Mã ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, các tổ hợp xét tuyển: Xem Mục 1.4.

- Trường không sử dụng kết quả bảo lưu của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 trở về trước để xét tuyển năm 2023, trừ trường hợp xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc tương đương (Xem mục 1.5) và các trường hợp đã trúng tuyển vào Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2022 được bảo lưu kết quả tuyển sinh.

- Trường tuyển 300 chỉ tiêu đào tạo chất lượng cao ngành Luật, 100 chỉ tiêu đào tạo chất lượng cao ngành Luật Kinh tế. Việc tuyển chọn thực hiện sau khi các thí sinh trúng tuyển vào Trường.

- Thí sinh lưu ý cập nhật thông tin thường xuyên khi có thay đổi, điều chỉnh, hiệu đính đối với Đề án này tại Cổng thông tin điện tử của Trường (<http://hlu.edu.vn>).

### 1.7. Tổ chức tuyển sinh:

#### 1.7.1. Thời gian và hình thức tuyển sinh:



- Xét tuyển sớm: Trường tổ chức xét tuyển sớm đối với Phương thức 1, Phương thức 2, Phương thức 3, Phương thức 5. Hình thức tuyển sinh là trực tuyến kết hợp với nộp hồ sơ bản giấy. Các mốc thời gian thực hiện như sau:

+ Dự kiến từ **20/4/2023** đến **15/5/2023**: Thí sinh đăng ký hồ sơ trực tuyến tại Cổng xét tuyển của Trường: <https://xettuyen.hlu.edu.vn>.

+ Dự kiến từ **08/5/2023** đến **15/5/2023**: Thí sinh nộp hồ sơ bản giấy qua đường bưu điện (theo địa chỉ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 87, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội) hoặc nộp trực tiếp cho Trường tại Hội trường A403, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 87, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội)

+ Dự kiến **25/5/2023**: Trường thông báo kết quả xét tuyển sớm tới các thí sinh.

Thí sinh xem hướng dẫn chi tiết việc nộp hồ sơ xét tuyển sớm trong Thông báo đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Luật Hà Nội trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2023 theo các phương thức xét tuyển sớm tại Cổng tuyển sinh của Trường: <https://tuyensinh.hlu.edu.vn>.

- Xét tuyển Đợt 1 và “lọc ảo” chung trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo: theo kế hoạch chung năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển theo Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc tương đương (Chương trình liên kết đào tạo ngành Luật với Đại học Arizona): dự kiến từ **20/4/2023** đến **14/10/2023**.

#### *1.7.2. Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển và nguyên tắc xét tuyển:*

\* Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển:

- Thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh, đạt ngưỡng đầu vào quy định tại Mục 1.5 của Đề án này.

- Đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển sớm hồ sơ phải có đủ tài liệu minh chứng theo hướng dẫn tại Thông báo đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Luật Hà Nội trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2023 theo các phương thức xét tuyển sớm, đặc biệt là các giấy tờ xác nhận đối tượng tuyển thẳng; chứng chỉ ngoại ngữ; các bằng khen, giấy khen ... mà thí sinh kê khai để làm căn cứ xét tuyển tương ứng với từng phương thức tuyển sinh.;

Thí sinh phải đăng ký hồ sơ trực tuyến trước sau đó gửi hồ sơ bản giấy cho Trường Đại học Luật Hà Nội; Thí sinh in Phiếu dán bì hồ sơ và Phiếu đăng ký xét tuyển từ hệ thống xét tuyển online; Phiếu dán bì hồ sơ phải được dán bên ngoài hồ sơ bản giấy gửi cho Trường.

- Đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các thông báo của Trường theo phương thức này.

\* Nguyên tắc xét tuyển:

- Đối với mỗi phương thức xét tuyển, thí sinh đều được đăng ký không giới hạn nguyện vọng (NV) theo ngành và tổ hợp điểm. Thí sinh phải xếp thứ tự NV từ cao xuống thấp (NV ưu tiên cao nhất là NV1).

- Trường xét tuyển theo phương thức xét tuyển, mã ngành/chương trình, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh.

- Trường hợp thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển ở nhiều NV thì sẽ lấy kết quả trúng tuyển theo NV có mức độ ưu tiên cao nhất trong số các NV đủ điều kiện trúng tuyển. Nếu đã trúng tuyển NV có ưu tiên cao hơn, thí sinh sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo.

- Trường hợp có nhiều thí sinh ở cùng mức điểm trúng tuyển của một ngành/tổ hợp và số trúng tuyển đã vượt quá số chỉ tiêu đăng ký cho ngành/tổ hợp đó thì sẽ sử dụng tiêu chí phụ được quy định cụ thể theo từng phương thức xét tuyển.

- Nếu xét tuyển theo mỗi nhóm đối tượng không đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang cho nhóm đối tượng khác.

- Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo phương thức xét tuyển sớm (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) cần đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc trong xét tuyển Đợt 1 theo thông báo/kế hoạch tuyển sinh và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023 để được nhập học vào Trường Đại học Luật Hà Nội.

#### *1.7.3. Các điều kiện xét tuyển theo Phương thức xét tuyển thẳng*

Phương thức xét tuyển thẳng thực hiện theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non và theo Quy chế tuyển sinh, Đề án tuyển sinh của Trường.

#### *1.7.4. Các điều kiện xét tuyển đối với Phương thức xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia của Đài truyền hình Việt Nam*

Trường áp dụng Phương thức xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia của Đài truyền hình Việt Nam để tuyển sinh đối với 4 mã ngành (chi tiết tại Mục 1.4). Thí sinh dự tuyển phải là người đã tham dự các Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia và có kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023 của tổ hợp bất kỳ trong các tổ hợp xét tuyển của Trường đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường theo Mục 1.5.

Các thí sinh đủ điều kiện đăng ký dự tuyển theo phương thức này sẽ được xác định kết quả theo xếp loại từ cao xuống thấp cho đến khi lấy hết chỉ tiêu.

#### *1.7.5. Các điều kiện xét tuyển đối với Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023*

- Thí sinh đăng ký xét tuyển và theo học tại trụ sở chính của Trường theo phương thức này phải đạt đủ những điều kiện sau: Có học lực loại Giỏi trở lên cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và Học kỳ 1 năm lớp 12; Có kết quả học tập Học kỳ 1 lớp 12 của mỗi môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển  $\geq 7,5$  điểm.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển và theo học tại Phân hiệu của Trường tại tỉnh Đắk Lắk theo phương thức này phải đạt đủ những điều kiện sau: Có học lực loại Giỏi trở lên ít nhất hai trong 5 học kỳ (năm lớp 10, năm lớp 11 và Học kỳ 1 năm lớp 12); Có kết quả học tập Học kỳ 1 lớp 12 của các môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển  $\geq 7$  điểm.

- Cách thức xét tuyển: Xét từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu theo điểm xét tuyển dựa trên kết quả học tập 3 môn thuộc các tổ hợp xét tuyển theo ngành, tổ hợp đã đăng ký của cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và Học kỳ 1 lớp 12. Công thức tính điểm xét tuyển như sau:

$$+ \text{ĐXT} = (\text{ĐTB Môn 1} + \text{ĐTB Môn 2} + \text{ĐTB Môn 3}) + \text{ĐU'T} (\text{nếu có}) + \text{ĐKK} (\text{nếu có})$$

(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình; HK1: Học kỳ 1; ĐU'T: Điểm ưu tiên; ĐKK: Điểm khuyến khích).

+ Điểm trung bình (ĐTB) mỗi môn = (ĐTB cả năm lớp 10 + ĐTB cả năm lớp 11 + ĐTB HK1 lớp 12 của môn tương ứng)/3.

+ ĐU'T, ĐKK được xác định theo hướng dẫn dưới đây.

- Các tiêu chí phụ: Nếu số lượng chỉ tiêu còn ít mà nhiều thí sinh cùng mức điểm sẽ xét theo tiêu chí phụ sau đây:

+ Đối với tất cả các ngành: thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba tại Kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Nhật (xét lần lượt theo thứ tự giải và cấp đạt giải) sẽ trúng tuyển.

+ Đối với ngành Luật, ngành Luật Kinh tế: thí sinh xét tuyển theo tổ hợp các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý thì thí sinh có điểm trung bình môn Ngữ văn cao hơn sẽ trúng tuyển; Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp các môn: Toán, Vật lý, Hóa học thì thí sinh có điểm trung bình môn Toán cao hơn sẽ trúng tuyển; Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp các môn trong đó có môn Ngoại ngữ thì thí sinh có điểm trung bình môn Ngoại ngữ cao hơn sẽ trúng tuyển;

+ Đối với ngành Ngôn ngữ Anh và ngành Luật Thương mại quốc tế, thí sinh có điểm trung bình môn Tiếng Anh cao hơn sẽ trúng tuyển.

- Điểm ưu tiên được xác định theo quy định tại Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điểm khuyến khích được xác định như sau:

+ Thí sinh các trường THPT chuyên/năng khiếu Quốc gia, trường THPT chuyên/năng khiếu cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương, học sinh của các trường THPT trọng điểm quốc gia chất lượng cao sẽ được cộng thêm 1.5 điểm khuyến khích vào tổng điểm xét tuyển;

+ Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau thì được hưởng một lần cộng điểm khuyến khích cao nhất để tính vào điểm xét tuyển:

- ✓ Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế được cộng 1.0 điểm;
- ✓ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn học trong chương trình THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi khoa học kỹ thuật, cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp cấp quốc gia được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;
- ✓ Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng), được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận, tại các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;
- ✓ Thí sinh đạt Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng), được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận, tại các cuộc thi về nghệ thuật quốc tế/quốc gia về ca, múa, nhạc, mỹ thuật, cuộc thi sắc đẹp được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;
- ✓ Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên, Kỳ thi Olympic bậc THPT do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức, Kỳ thi chọn học sinh giỏi các Trường THPT chuyên khu vực duyên hải và đồng bằng Bắc Bộ các môn học trong chương trình THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi khoa học kỹ thuật, cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp cấp tỉnh được cộng điểm vào tổng điểm xét tuyển với mức: giải Nhất được cộng 1.0 điểm, giải Nhì được cộng 0.75 điểm, giải Ba được cộng 0.5 điểm.

- Quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: Nếu thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế có giá trị sử dụng tính đến thời điểm xét tuyển được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận với số điểm tối thiểu sẽ được quy đổi điểm TBC học tập cho cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và Học kỳ 1 năm lớp 12 ở bậc THPT thay cho kết quả học tập ngoại ngữ tương ứng. Cụ thể như sau:

+ Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh: IELTS Academic 6.5 điểm, TOEFL ITP 587 điểm, TOEFL iBT 95 điểm trở lên được quy đổi tương ứng 10 điểm môn Tiếng Anh; IELTS Academic 6.0 điểm, TOEFL ITP 563 điểm, TOEFL iBT 85 điểm trở lên được quy đổi tương ứng 9,5 điểm môn Tiếng Anh; IELTS Academic 5.5

điểm, TOEFL ITP 537 điểm, TOEFL iBT 75 điểm trở lên được quy đổi tương ứng 9,0 điểm môn Tiếng Anh.

+ Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật được quy đổi điểm ngoại ngữ dùng để xét tuyển tương ứng như sau: Cấp độ C2 được quy đổi tương ứng 10 điểm; cấp độ C1 được quy đổi tương ứng 9,5 điểm; cấp độ B2 được quy đổi tương ứng 9 điểm.

+ Bảng tham chiếu quy đổi tương đương cấp độ của các chứng chỉ ngoại ngữ như sau:

<b>Cấp độ (CEFR)</b>	<b>Tiếng Nga</b>	<b>Tiếng Pháp</b>	<b>Tiếng Đức</b>	<b>Tiếng Nhật</b>
B2	TRKI 2	DELF B2 TCF B2	Goethe Zertifikat B2 ÖSD Zertifikat B2 DSD II Telc Deutsch B2 TestDaF 4	JLPT N3
C1	TRKI 3	DALF C1 TCF C1	Goethe Zertifikat C1 ÖSD Zertifikat C1 Telc Deutsch C1 TestDaF 5	JLPT N2
C2	TRKI 4	DALF C2 TCF C2	Goethe Zertifikat C2 ÖSD Zertifikat C2	JLPT N1

#### *1.7.6. Các điều kiện xét tuyển đối với Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023*

- Thí sinh đủ điều kiện về đối tượng tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Mục 1.5 được tham gia xét tuyển.

- Điểm xét tuyển bằng tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên, điểm khuyến khích (nếu có).

- Đối với điểm ưu tiên: quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Đối với điểm khuyến khích: Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau thì được hưởng một lần cộng điểm khuyến khích cao nhất để tính vào điểm xét tuyển:

+ Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế được cộng 1.0 điểm;

+ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn học trong chương trình THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;

+ Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng), được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận, tại các giải quốc

tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;

+ Thí sinh đạt Nhất, Nhì, Ba (Huy chương Vàng, Bạc, Đồng), được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận, tại các cuộc thi về nghệ thuật quốc tế/quốc gia về ca, múa, nhạc, mỹ thuật, cuộc thi sắc đẹp được cộng điểm khuyến khích theo cấp đạt giải như sau: giải Nhất được cộng 1.5 điểm, giải Nhì được cộng 1.25 điểm, giải Ba được cộng 1.0 điểm;

+ Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên, Kỳ thi Olympic bậc THPT do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức, Kỳ thi chọn học sinh giỏi các Trường THPT chuyên khu vực duyên hải và đồng bằng Bắc Bộ các môn học trong chương trình THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh được cộng điểm vào tổng điểm xét tuyển với mức: giải Nhất được cộng 1.0 điểm, giải Nhì được cộng 0.75 điểm, giải Ba được cộng 0.5 điểm.

- Quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: Đối với thí sinh có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế có giá trị sử dụng theo quy định tính đến thời điểm xét tuyển sẽ được quy đổi điểm môn Ngoại ngữ tương ứng để xét tuyển. Cách thức quy đổi áp dụng như đối với Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (xem Mục 1.7.5).

*1.7.7. Các điều kiện xét tuyển đối với Phương thức xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hoặc tương đương (đăng ký dự tuyển vào Chương trình liên kết đào tạo với Đại học Arizona, Hoa Kỳ)*

Trường Đại học Luật Hà Nội liên kết với Trường Đại học ARIZONA, Hoa Kỳ tiến hành tuyển sinh 100 chỉ tiêu ngành Luật hình thức đào tạo đại học chính quy theo Chương trình liên kết đào tạo năm 2023 (người học khi tốt nghiệp sẽ được cấp hai bằng đại học: Bằng cử nhân Luật do Trường Đại học Arizona cấp và bằng cử nhân ngành Luật do Trường Đại học Luật Hà Nội cấp) với các thông tin tuyển sinh cơ bản sau đây:

- Thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào theo Mục 1.5 và có chứng chỉ tiếng Anh có giá trị sử dụng theo quy định tính đến thời điểm xét tuyển.

- Cách thức xét tuyển: xét từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu theo điểm xét tuyển (dựa trên kết quả chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh). Nếu số lượng chỉ tiêu còn ít mà nhiều thí sinh có cùng mức điểm xét tuyển thì thí sinh có điểm môn Toán cao hơn sẽ trúng tuyển.

- Đối với thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh có giá trị sử dụng theo quy định tính đến thời điểm xét tuyển sẽ được quy đổi điểm môn Ngoại ngữ tương ứng để xét tuyển, cụ thể: Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh: IELTS Academic 6.5 hoặc TOEFL iBT 95 trở lên được quy đổi tương ứng 10 điểm môn Tiếng Anh; IELTS Academic 6.0 hoặc TOEFL iBT 85 trở lên được quy đổi tương ứng 9,5 điểm môn Tiếng Anh; IELTS Academic 5.5 hoặc TOEFL iBT 59 trở lên được quy đổi tương ứng 9,0 điểm môn Tiếng Anh.

- Cách tính điểm xét tuyển:

$\text{ĐXT} = \text{ĐTAQĐ} + \text{ĐƯT}$  (nếu có)

(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTAQĐ: Điểm tiếng Anh quy đổi; ĐƯT: Điểm ưu tiên tuyển sinh).

- Điểm ưu tiên được thực hiện theo Mục 1.7.5

### **1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.**

#### *1.8.1. Quy định về xét tuyển thẳng*

Trường áp dụng các quy định theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 về xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, cụ thể như sau:

- Các thí sinh sau đây được xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Luật Hà Nội thuộc diện không phải học bổ sung kiến thức bao gồm:

+ Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học.

+ Người đã trúng tuyển vào Trường Đại học Luật Hà Nội, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khoẻ, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại Trường Đại học Luật Hà Nội. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức.

+ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Nhật; thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; thí sinh đoạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc tại Cuộc thi Sáng chế và Phát minh quốc tế hoặc các cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo cử tham gia/công nhận, tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2023 được tuyển thẳng vào ngành Luật.

+ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Tiếng Anh tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2023 được tuyển thẳng vào ngành Luật Thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh.

+ Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Nhật trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia và thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; thí sinh đoạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc tại Cuộc thi Sáng chế và Phát minh quốc tế hoặc các cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo cử tham gia/công nhận, nếu chưa tốt nghiệp trung học phổ thông được bảo lưu sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông.

+ Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà

Nội căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

+ Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Trường Đại học Luật Hà Nội: Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt theo quy định của Trường để xem xét, quyết định cho vào học.

- Các thí sinh sau đây được xét tuyển thẳng vào học ngành Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội và phải học bổ sung kiến thức bao gồm:

+ Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ.

+ Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội quy định.

- Tiêu chí xét tuyển thẳng: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, Trường sẽ xét từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu (nếu số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vượt quá chỉ tiêu đã xác định thì ưu tiên thí sinh trúng tuyển căn cứ vào cấp đạt giải, nội dung đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường, các môn ưu tiên theo thứ tự từ cao tới thấp là ngoại ngữ, Toán học, Ngữ Văn, Lý, Hóa).

### 1.8.2. Ưu tiên xét tuyển

Trường áp dụng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

**1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:** theo tổng số nguyện vọng đăng ký, nguyện vọng 1 lệ phí là 100.000 đ, từ nguyện vọng 2 lệ phí là 30.000 đ/nguyện vọng

**1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm**

- Đối với sinh viên học các chương trình đại trà: năm học 2023-2024 mức thu 1.410.000đ x 1.7 lần = 2.397.000 đ/tháng/sinh viên (thu 5 tháng/kỳ; 40 tháng/khoá học) tương đương với:  $2.397.000đ \times 40/140TC = 685.000 \text{ đ/ tín chỉ}$ . Lộ trình tăng học phí năm học 2024-2025 là 2.862.000 đ/tháng/sinh viên, năm học 2025-2026 là 3.401.000 đ/ tháng/ sinh viên.

- Đối với sinh viên Chương trình đào tạo chất lượng cao: năm học 2023-2024 mức thu học phí là 5.992.500 đ/tháng tương đương: Với các môn học thực tập chuyên môn, khoá luận tốt nghiệp, giáo dục quốc phòng an ninh: 685.000 đ/tín chỉ ( 7 TTCM, 9 KLTN, 8 GDQP=24TC). Với các môn cơ sở ngành, các môn tự chọn, các môn tin học, ngoại ngữ, các môn học khác: 1.925.000 đ/tín chỉ ( 116 TC). Lộ trình tăng học phí năm học 2024-2025 là 7.155.000 đ/tháng/sinh viên, năm học 2025-2026 là 8.502.500 đ/tháng/sinh viên;



- Đối với sinh viên Chương trình liên kết đào tạo với Đại học Arizona, Hoa Kỳ: theo thỏa thuận với Trường Đại học Arizona mức học phí là 10.000 USD/năm, Trường Đại học Luật Hà Nội cấp học bổng cho sinh viên trúng tuyển theo học chương trình này bằng mức học bổng năm học 2023-2024 là 2000 USD.

- Trường Đại học Luật Hà Nội sẽ thông báo khi có lộ trình tăng học phí.

### **1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm**

- Tuyển sinh từ tháng 04/2023 và theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **1.12. Cam kết của Trường trong những trường hợp rủi ro**

Trường Đại học Luật Hà Nội cam kết bảo đảm quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của nhà nước, quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

### **1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (không có)**

### **1.14. Tài chính**

*1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 235 tỷ đồng*

*1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 11.500.000 đồng/01 sinh viên.*

### **1.15. Các nội dung khác**

*1.15.1. Các chương trình trao đổi sinh viên với nước ngoài*

Năm 2023, Trường Đại học Luật Hà Nội tiếp tục triển khai các chương trình trao đổi sinh viên với các đối tác là các trường đại học uy tín trên thế giới như Đại học Quốc lập Đài Loan (Đài Loan), Đại học Latrobe (Úc), Đại học Quốc gia Singapore (Singapore), Đại học Đông Phần Lan (Phần Lan), Đại học Akron (Hoa Kỳ), Đại học Keio và Đại học Nagoya (Nhật Bản), ...

*1.15.2. Về tuyển sinh các chương trình chất lượng cao*

Năm 2023, Trường dự kiến tuyển 300 chỉ tiêu đào tạo chất lượng cao ngành Luật, 100 chỉ tiêu đào tạo chất lượng cao ngành Luật Kinh tế trong số các thí sinh trúng tuyển tương ứng vào ngành Luật và ngành Luật Kinh tế. Thí sinh đăng ký theo học vào các chương trình chất lượng cao khi làm thủ tục nhập học tại trường. Trường có thông báo riêng đối với việc xét tuyển vào các lớp đào tạo chất lượng cao.

## **2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ đại học trở lên**

### **2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh**

Công dân nước CHXHCN Việt Nam có đủ các điều kiện dưới đây được dự tuyển vào hình thức đào tạo cấp bằng đại học thứ hai cho người đã có bằng tốt nghiệp đại học:

- Đã có một bằng tốt nghiệp đại học chính quy hoặc bằng thạc sỹ, bằng tiến sỹ;

- Người có đủ sức khỏe để học tập theo quy định; không đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

## 2.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước

## 2.3. Phương thức tuyển sinh

Trường áp dụng các phương thức tuyển sinh sau:

- Xét tuyển thẳng: Xem mục 2.8.

- Xét tuyển dựa trên kết quả điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học bậc đại học: Điểm xét tuyển được xác định theo thang điểm hệ số 10 xếp từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Đối với các thí sinh có điểm trung bình chung toàn khóa học theo thang điểm hệ số khác sẽ được quy đổi về thang điểm hệ số 10 theo mức quy đổi của Bộ Giáo dục và đào tạo và của Trường (làm tròn đến hai chữ số thập phân). Căn cứ vào tình hình thực tế khi thí sinh nộp hồ sơ, Trường có thể bổ sung tiêu chí phụ đối với các thí sinh xét tuyển.

## 2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7380101	Luật	500	Xét tuyển theo đề án của Trường	500				2001
2.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế	500	Xét tuyển theo đề án của Trường	300				2017

## 2.5. Ngưỡng đầu vào

Đã có một bằng tốt nghiệp đại học chính quy hoặc bằng thạc sĩ, bằng Tiến sĩ

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: theo quy định hiện hành

## 2.7. Tổ chức tuyển sinh:

Thời gian tuyển sinh: dự kiến từ tháng 02/2023

Thời gian, điều kiện, hình thức nhận hồ sơ... được xác định rõ trong Thông báo tuyển sinh.

### 2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Trường xét tuyển thẳng đối với người có bằng tốt nghiệp từ thạc sĩ trở lên; tốt nghiệp đại học từ loại Giỏi trở lên; tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng; Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ/su phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 trở lên hoặc tương đương; các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố (các ngoại ngữ khác căn cứ theo Bảng tham chiếu quy đổi tương đương cấp độ của các chứng chỉ ngoại ngữ tại mục 1.7.5). Căn cứ vào tình hình thực tế khi thí sinh nộp hồ sơ, Trường có thể bổ sung tiêu chí phụ đối với các thí sinh xét tuyển thẳng.

### 2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Xét tuyển: 150.000 đồng/01 thí sinh

### 2.10. Học phí dự kiến với sinh viên

Mức thu tại năm học 2023-2024 là 3.595.500 đ/ tháng/học viên (thu 5 tháng/kỳ, 25 tháng/khoá học) tương đương  $3.595.500đ \times 25/109 = 825.000đ$ /tín chỉ. Lộ trình tăng học phí năm học 2024-2025 là 4.293.000 đ/tháng/học viên, năm học 2025-2026 là 5.101.500 đ/tháng/học viên.

### 2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: từ tháng 2/2023

### 2.12. Các nội dung khác

- Hình thức đào tạo cấp bằng đại học thứ hai cho người đã có bằng tốt nghiệp đại học: 2,5 năm

- Tùy theo khả năng của người học và điều kiện của Trường, người học đăng ký học để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập ở Trường theo quy định. Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định sẽ được công nhận tốt nghiệp.

## III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://tuyensinh.hlu.edu.vn>

### 1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

#### 1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Người dự tuyển hình thức vừa làm vừa học trình độ đại học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên;

Ngoài ra, người dự tuyển phải có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định; không đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

#### 1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước (trong trường hợp tổ chức tuyển sinh với các đơn vị liên kết đào tạo thì các đơn vị liên kết đào tạo phải đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về liên kết đào tạo), tuyển sinh tại cơ sở chính của Trường và tại Phân hiệu của Trường tại tỉnh Đắk Lắk.

Thời gian tuyển sinh: Tuyển sinh liên tục trong năm.

### 1.3. Phương thức tuyển sinh

\* Tuyển thẳng đối với người có bằng đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

\* Xét tuyển theo kết quả học tập (từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu):

+ Người tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên). Tổ hợp xét tuyển bao gồm: **A00** (Toán, Vật lí, Hóa học); **A01** (Toán, Vật lí, Tiếng Anh); **C00** (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí); **D01** (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh); **D02** (Ngữ văn, Toán, Tiếng Nga); **D03** (Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp), **D05** (Ngữ văn, Toán, Tiếng Đức), **D06** (Ngữ văn, Toán, Tiếng Nhật).

Xét tuyển theo trung bình cộng kết quả học tập năm lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển, hoặc trung bình cộng kết quả thi tốt nghiệp THPT của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển.

+ Người tốt nghiệp trung cấp (người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Xét điểm trung bình chung toàn khóa, đối với thí sinh có bảng điểm không thể hiện điểm trung bình chung toàn khóa sẽ xét theo kết quả môn học, học phần.

+ Người tốt nghiệp cao đẳng: Xét điểm trung bình chung toàn khóa, đối với thí sinh có bảng điểm không thể hiện điểm trung bình chung toàn khóa sẽ xét theo kết quả môn học, học phần.

1.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh*: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo được xác định như sau:

Tt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7380101	Luật	500	Xét tuyển theo đề	150	405-CP	06/11/1979	Chính phủ	1982

					án của Trường					
--	--	--	--	--	---------------	--	--	--	--	--

### 1.5. Ngưỡng đầu vào

Người dự tuyển hình thức vừa làm vừa học trình độ đại học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên.

### 1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

\* Về điều kiện về số lượng người dự tuyển để có thể tổ chức lớp học:

- Đối với các lớp vừa làm vừa học tổ chức tại cơ sở chính của Trường và tại Phân hiệu: Tối thiểu 40 người trở lên tham gia dự tuyển.

- Đối với các lớp vừa làm vừa học liên kết đào tạo: Các lớp liên kết vừa làm vừa học tại miền Bắc: tối thiểu 50 người trở lên tham gia dự tuyển; Các lớp liên kết vừa làm vừa học tại miền Trung (từ Hà Tĩnh trở vào) và tại miền Nam: tối thiểu 60 người trở lên tham gia dự tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

Dự kiến tháng 2/2023, tuyển sinh liên tục trong năm, thời gian tuyển sinh từng lớp cụ thể sẽ được xác định trong Thông báo tuyển sinh;

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT: Nhận hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Luật Hà Nội, Phân hiệu của Trường tại tỉnh Đắk Lắk và tại đơn vị liên kết đào tạo.

\* Về hồ sơ tuyển sinh: Người đăng ký dự thi tuyển sinh cần nộp 01 bộ hồ sơ, gồm có:

- 01 Phiếu đăng ký dự tuyển hình thức vừa làm vừa học;

- 01 bản sơ yếu lý lịch có dán ảnh, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi thường trú;

- 02 bản sao có chứng thực văn bằng tốt nghiệp liên quan đến điều kiện tuyển thẳng hoặc xét tuyển;

- Giấy chứng nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu thí sinh dự tuyển tốt nghiệp tại cơ sở đào tạo nước ngoài);

- 01 bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT/học bạ hoặc tương đương;

- 01 bản sao giấy khai sinh và 02 ảnh màu cỡ 4x6 cm (chụp trước ngày nộp hồ sơ tối đa 01 tháng).

\* Về thông báo tuyển sinh, phát hành, thu hồ sơ tuyển sinh:

- Việc tuyển sinh được tiến hành liên tục trong năm. Thông báo tuyển sinh cho từng đợt tuyển sinh sẽ được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Luật Hà Nội và trên website của Phân hiệu, các đơn vị liên kết đào tạo;

- Phát hành và thu hồ sơ liên tục các ngày trong năm (trừ trường hợp các đơn vị liên kết đào tạo có quy định khác về thời hạn thu hồ sơ đối với các lớp cụ thể). Trong trường hợp phát hành và thu hồ sơ đối với các lớp tổ chức tại trụ sở chính của Trường và tại Phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk thì không phát hành và thu hồ sơ vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ Nhật.

#### 1.8. Chính sách ưu tiên

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

#### 1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Đối với các lớp tổ chức học tại Trường, tại Phân hiệu tỉnh Đắk Lắk: mức thu 150.000 đồng/thí sinh.

- Đối với các lớp liên kết đào tạo: mức thu 300.000 đồng/thí sinh.

#### 1.10. Học phí dự kiến với sinh viên

Học phí dự kiến với sinh viên: năm học 2022-2023 mức thu 3.595.500 đ/tháng/sinh viên (thu 5 tháng/kỳ; 40 tháng/khoá học) tương đương  $3.595.500đ \times 40/129 = 1.115.000$  đ/tín chỉ. Lộ trình tăng học phí năm học 2024-2025 là 4.293.000 đ/ tháng/sinh viên, năm học 2025-2026 là 5.101.500 đ/tháng/sinh viên.

#### 1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: từ tháng 2/2023

#### 1.12. Các nội dung khác

\* Thời gian đào tạo:

- Hình thức vừa làm vừa học trình độ đại học: 4 năm

Tùy theo khả năng của người học và điều kiện của Trường, người học đăng ký học để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập ở Trường theo quy định. Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định sẽ được công nhận tốt nghiệp.

\* Thời gian học:

- Đối với các lớp được tổ chức tại cơ sở chính của Trường và Phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk: Học các buổi tối trong tuần từ thứ Hai đến thứ Bảy; hoặc học tối thứ Sáu, cả ngày thứ Bảy và cả ngày Chủ nhật.

- Đối với các lớp liên kết đào tạo: Theo hợp đồng liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Luật Hà Nội với đơn vị liên kết đào tạo.

## 2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ đại học trở lên

### 2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Công dân nước CHXHCN Việt Nam có đủ các điều kiện dưới đây được dự tuyển vào hình thức đào tạo cấp bằng đại học vừa làm vừa học cho người đã có bằng tốt nghiệp đại học:

- Đã có một bằng tốt nghiệp đại học.

- Người có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định; không đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

## 2.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước

## 2.3. Phương thức tuyển sinh

- Tuyển thẳng đối với người có bằng tốt nghiệp từ thạc sĩ trở lên; tốt nghiệp đại học từ loại Giỏi trở lên; tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng; Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ/sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 trở lên hoặc tương đương; các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố. Căn cứ vào tình hình thực tế khi thí sinh nộp hồ sơ, Trường có thể bổ sung tiêu chí phụ đối với các thí sinh xét tuyển thẳng.

- Xét tuyển đối với thí sinh không thuộc diện xét tuyển thẳng: Xét kết quả điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học bậc đại học của thí sinh từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Điểm xét tuyển được xác định theo thang điểm hệ số 10. Đối với các thí sinh có điểm trung bình chung toàn khóa học theo thang điểm hệ số khác sẽ được quy đổi về thang điểm hệ số 10 theo mức quy đổi của Bộ Giáo dục và đào tạo và của Trường (làm tròn đến hai chữ số thập phân). Căn cứ vào tình hình thực tế khi thí sinh nộp hồ sơ, Trường có thể bổ sung tiêu chí phụ đối với các thí sinh xét tuyển.

2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh*: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo được xác định như sau:

Tt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Đại học	7380101	Luật	500	Xét tuyển theo đề án của Trường	690				2001
2.	Đại học	7380107	Luật Kinh tế	500	Xét tuyển theo đề án của Trường	150				2017

### 2.5. Ngưỡng đầu vào

Đã có một bằng tốt nghiệp đại học.

### 2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

Được xác định rõ trong Thông báo tuyển sinh

2.7. *Tổ chức tuyển sinh*: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo được xác định rõ trong Thông báo tuyển sinh.

2.8. *Chính sách ưu tiên*: thực hiện theo quy định hiện hành.

### 2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Xét tuyển: 150.000 đồng/01 thí sinh đối với các lớp tổ chức học tại Trường và Phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk; 300.000 đồng/01 thí sinh đối với các lớp liên kết đào tạo.

### 2.10. Học phí dự kiến với sinh viên

Mức thu tại năm học 2023-2024 là 3.595.500 đ/ tháng/học viên (thu 5 tháng/kỳ, 25 tháng/khoá học) tương đương  $3.595.500đ \times 25/109 = 825.000đ/tín\ chỉ$ . Lộ trình tăng học phí năm học 2024-2025 là 4.293.000 đ/tháng/học viên, năm học 2025-2026 là 5.101.500 đ/tháng/học viên.

2.11. *Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm*: từ tháng 2/2023

### 2.12. Các nội dung khác

Thời gian đào tạo đối với hình thức đào tạo cấp bằng đại học thứ hai cho người đã có bằng tốt nghiệp đại học: 2,5 năm

Tùy theo khả năng của người học và điều kiện của Trường, của đơn vị liên kết đào tạo, người học đăng ký học để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập ở Trường theo quy định. Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định sẽ được công nhận tốt nghiệp./.

CÁN BỘ KÊ KHAI



Nguyễn Triệu Dương

Điện thoại: 0906755888

Địa chỉ Email:

nguyentrieduong@hlu.edu.vn





**Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng****CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG****1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022 (Người học)**

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
<b>A</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>		
<b>1</b>	<b>Tiến sĩ</b>		
<b>1.1</b>	<b>Lĩnh vực pháp luật</b>	<b>938</b>	<b>200</b>
1.1.1	Ngành Luật hiến pháp và luật hành chính	9380102	29
1.1.2	Ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự	9380103	43
1.1.3	Ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự	9380104	25
1.1.4	Ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	9380105	2
1.1.5	Ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	9380106	9
1.1.6	Ngành Luật kinh tế	9380107	76
1.1.7	Ngành Luật quốc tế	9380108	16
<b>2</b>	<b>Thạc sĩ</b>		
<b>2.1</b>	<b>Lĩnh vực pháp luật</b>	<b>838</b>	<b>1249</b>
2.1.1	Ngành Luật hiến pháp và luật hành chính	8380102	183
2.1.2	Ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103	270
2.1.3	Ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự	8380104	142
2.1.4	Ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	8380105	37
2.1.5	Ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	8380106	85
2.1.6	Ngành Luật kinh tế	8380107	375
2.1.7	Ngành Luật quốc tế	8380108	157
<b>B</b>	<b>ĐẠI HỌC</b>		
<b>3</b>	<b>Đại học chính quy</b>		
<b>3.1</b>	<b>Chính quy</b>		
<b>3.1.1</b>	<b>Lĩnh vực pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>8110</b>
3.1.1.1	Ngành Luật	7380101	5998
3.1.1.2	Ngành Luật Kinh tế	7380107	1582
3.1.1.3	Ngành Luật Thương mại quốc tế	7380109	530

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
<b>3.1.2</b>	<b>Lĩnh vực nhân văn</b>	<b>722</b>	<b>549</b>
<b>3.1.2.1</b>	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	549
<b>3.2</b>	<b>Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>		
<b>3.2.1</b>	<b>Lĩnh vực pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>2166</b>
3.2.1.1	Ngành Luật	7380101	1594
3.2.1.2	Ngành Luật Kinh tế	7380107	572
<b>3</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>		
<b>3.1</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>		
<b>3.1.1</b>	<b>Lĩnh vực pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>875</b>
3.1.1.1	Ngành Luật	7380101	875
<b>3.2</b>	<b>Đối tượng từ trung cấp lên đại học</b>		
<b>3.2.1</b>	<b>Lĩnh vực pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>75</b>
3.2.1.1	Ngành Luật	7380101	75
<b>3.3</b>	<b>Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>		
<b>3.3.1</b>	<b>Lĩnh vực pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>1903</b>
3.3.1.1	Ngành Luật	7380101	1834
3.3.1.2	Ngành Luật Kinh tế	7380107	69

## **2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:**

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 112.159 m<sup>2</sup>, trong đó cơ sở chính có 14.009m<sup>2</sup>, Phân hiệu 97.700m<sup>2</sup>

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 1600 chỗ, trong đó cơ sở chính 700 chỗ ở, Phân hiệu 900 chỗ ở.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 60.365 m<sup>2</sup>, trong đó cơ sở chính 36.465 m<sup>2</sup>, Phân hiệu 23.900 m<sup>2</sup>

<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>)</b>
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	228	
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	04	4479
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	44	15636
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	48	9014
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	38	7039
1.5	Số phòng học đa phương tiện	08	1058
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	84	10052
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	05	3149
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	09	885
	<b>Tổng</b>	<b>242</b>	

## 2.2 Các thông tin khác

### 2.2.1. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

<b>Stt</b>	<b>Tên</b>	<b>Danh mục trang thiết bị chính</b>	<b>Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo</b>
1.	Phòng thực hành điển án	Tên thiết bị 1: Bàn Tên thiết bị 2: Ghế Tên thiết bị 3: Máy chiếu, Bảng, Máy tính Tên thiết bị 4: Vành móng ngựa,...	III; VII

### 2.2.2. Thống kê học liệu theo nhóm ngành đào tạo

<b>TT</b>	<b>Nhóm ngành đào tạo</b>	<b>Số lượng</b>

1	Nhóm ngành III	<p>+ Tài liệu in: Tổng số tài liệu hiện có trong thư viện là 24.960 tên = 185.228 cuốn, trong đó học liệu của từng ngành như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành Luật: 3.112 tên = 71.536 cuốn</li> <li>- Ngành Luật CLC: 2.785 tên = 63.912 cuốn</li> <li>- Ngành Luật TMQT: 1.748 tên = 43.435 cuốn</li> <li>- Ngành Luật Kinh tế: 2.094 tên = 51.228 cuốn</li> </ul> <p>+ Tài liệu điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạp chí luật học: 2.816 bài</li> <li>- Tạp chí Nghề luật: 1.610 bài</li> <li>- Tài liệu số hóa: 5.916 tên</li> <li>- Tài liệu truy cập mở: 768 tên</li> <li>- Sách điện tử: 75 tên (<a href="http://www.oxfordscholarship.com">http://www.oxfordscholarship.com</a>)</li> <li>- CSDL pháp luật trực tuyến Heinonline (<a href="https://home.heinonline.org/">https://home.heinonline.org/</a>)</li> <li>- Tài liệu của Dự án Mutrap (<a href="http://thuvien.hlu.edu.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=430&amp;catid=4000">http://thuvien.hlu.edu.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=430&amp;catid=4000</a>)</li> <li>- Dự án thư viện điện tử dùng chung gồm: <u>Cơ sở dữ liệu sách điện tử iG Publishing</u>, <u>Cơ sở dữ liệu tạp chí Sage</u>. (<a href="http://thuvien.hlu.edu.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=1959&amp;catid=8200">http://thuvien.hlu.edu.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=1959&amp;catid=8200</a>)</li> </ul>
2	Nhóm ngành VII	<p>+ Tài liệu in ngành Ngôn ngữ Anh: <b>2.100</b> tên = <b>55.860</b> cuốn</p> <p>+ Tài liệu điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạp chí luật học: 2.816 bài</li> <li>- Tạp chí Nghề luật: 1.610 bài</li> <li>- Tài liệu số hóa: 5.916 tên</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tài liệu truy cập mở: 768 tên</li><li>- Sách điện tử: 75 tên (<a href="http://www.oxfordscholarship.com">http://www.oxfordscholarship.com</a>)</li><li>- CSDL pháp luật trực tuyến Heinonline (<a href="https://home.heinonline.org/">https://home.heinonline.org/</a>)</li><li>- Tài liệu của Dự án Mutrap (<a href="http://thuvien.hlu.edu.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=430&amp;catid=4000">http://thuvien.hlu.edu.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=430&amp;catid=4000</a>)</li><li>- Dự án thư viện điện tử dùng chung gồm: <u>Cơ sở dữ liệu sách điện tử iG Publishing</u>, <u>Cơ sở dữ liệu tạp chí Sage</u>. (<a href="http://thuvien.hlu.edu.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=1959&amp;catid=8200">http://thuvien.hlu.edu.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=1959&amp;catid=8200</a>).</li></ul>
--	---

### 3. Danh sách giảng viên

#### 3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1.	Trần Phương Tâm An		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
2.	Bé Hoài Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
3.	Hoàng Ly Anh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
4.	Lê Ngọc Anh		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
5.	Ngô Thị Vân Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
6.	Nguyễn Đức Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
7.	Nguyễn Hải Anh		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
8.	Nguyễn Hoài Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
9.	Nguyễn Mai Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
10.	Nguyễn Ngọc Anh		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
11.	Nguyễn Phương Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
12.	Nguyễn Quang Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
13.	Nguyễn Quỳnh Anh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
14.	Nguyễn Tài Tuấn Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
15.	Nguyễn Thị Mai Anh		Thạc sĩ	Chính trị học		Luật
16.	Nguyễn Thị Vân Anh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
17.	Trần Phương Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
18.	Trần Quỳnh Anh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
19.	Trương Quang Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
20.	Vũ Hải Anh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
21.	Vũ Hoàng Anh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
22.	Vũ Thị Lan Anh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
23.	Ngô Thị Ngọc Ánh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
24.	Trần Thị Bảo Ánh		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
25.	Phạm Ngọc Bách		Thạc sĩ	Thế dục		Luật
26.	Lưu Hoài Bảo		Tiến sĩ	Luật học		Luật
27.	Nguyễn Ngọc Bích		Tiến sĩ	Luật học		Luật
28.	Nguyễn Thị Biên		Thạc sĩ	Thế dục		Luật
29.	Đỗ Ngân Bình		Tiến sĩ	Luật học		Luật
30.	Nguyễn Bá Bình	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
31.	Trương Thị Thuý Bình		Tiến sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
32.	Nguyễn Minh Châu		Thạc sĩ	Luật học		Luật
33.	Nguyễn Hữu Chí	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
34.	Hoàng Minh Chiến		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
35.	Nguyễn Phương Chinh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
36.	Nguyễn Như Chính		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
37.	Nguyễn Văn Cừ	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
38.	Vũ Văn Cương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
39.	Nguyễn Hùng Cường		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng		Luật
40.	Trần Trọng Đại		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
41.	Bùi Thị Đào	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
42.	Lê Thị Anh Đào		Tiến sĩ	Luật học		Luật
43.	Phạm Quý Đạt		Tiến sĩ	Luật học		Luật
44.	Phạm Hoài Điệp		Thạc sĩ	Tin học		Ngôn ngữ Anh
45.	Trần Ngọc Định		Thạc sĩ	Luật học		Luật
46.	Nguyễn Minh Doan	Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
47.	Nguyễn Văn Đợi		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
48.	Chu Văn Đức		Tiến sĩ	Luật học		Luật
49.	Lê Văn Đức		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
50.	Nguyễn Thị Quang Đức		Thạc sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
51.	Đỗ Thị Dung		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
52.	Nguyễn Thị Dung		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
53.	Nguyễn Thị Dung		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
54.	Nguyễn Thị Ngọc Dung		Thạc sĩ	Xây dựng Đảng		Luật
55.	Nguyễn Tiến Dũng		Thạc sĩ	Luật học		Luật
56.	Nguyễn Ngọc Hồng Dương		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
57.	Nguyễn Thùy Dương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
58.	Nguyễn Triều Dương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
59.	Phan Thanh Dương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
60.	Trần Thái Dương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
61.	Vũ Ngọc Dương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
62.	Hoàng Thái Duy		Thạc sĩ	Luật học		Luật
63.	Chu Thị Lam Giang		Thạc sĩ	Luật học		Luật
64.	Lê Thị Giang		Tiến sĩ	Luật học		Luật
65.	Nguyễn Trường Giang		Đại học	Tiếng Pháp		Luật
66.	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Tâm lý học		Luật
67.	Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
68.	Nguyễn Thị Việt Hà		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
69.	Phạm Thị Bắc Hà		Thạc sĩ	Luật học		Luật
70.	Phạm Vĩnh Hà		Thạc sĩ	Luật học		Luật
71.	Trần Thị Hà		Thạc sĩ	Luật học		Luật
72.	Lê Công Hải		Thạc sĩ	Luật học		Luật
73.	Trần Vũ Hải		Tiến sĩ	Luật học		Luật
74.	Lê Thị Diễm Hằng		Thạc sĩ	Luật học		Luật
75.	Nguyễn Minh Hằng		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
76.	Nguyễn Thị Hằng		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế



Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
77.	Phạm Thanh Hằng		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
78.	Trần Thuý Hằng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
79.	Lê Thị Hồng Hạnh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
80.	Mã Thị Hạnh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
81.	Phạm Hồng Hạnh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
82.	Phạm Thị Hạnh		Thạc sĩ	Sư phạm tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
83.	Phạm Văn Hạnh		Thạc sĩ	Tin học		Ngôn ngữ Anh
84.	Phan Kiều Hạnh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
85.	Hoàng Thị Hiền		Thạc sĩ	Luật học		Luật
86.	Phạm Thị Thu Hiền		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
87.	Trần Thị Hiền		Tiến sĩ	Luật học		Luật
88.	Trần Thị Thu Hiền		Tiến sĩ	Luật học		Luật
89.	Đậu Công Hiệp		Thạc sĩ	Luật học		Luật
90.	Nguyễn Đức Hiệp		Thạc sĩ	Luật học		Luật
91.	Trần Ngọc Hiệp		Thạc sĩ	Luật học		Luật
92.	Bùi Đăng Hiếu	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
93.	Mai Thanh Hiếu		Tiến sĩ	Luật học		Luật
94.	Đinh Thị Phương Hoa		Tiến sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
95.	Nguyễn Thanh Hoa		Thạc sĩ	Văn hóa		Luật
96.	Phạm Thị Thanh Hoa		Thạc sĩ	Luật học		Ngôn ngữ Anh
97.	Trần Thị Hoa		Thạc sĩ	Luật học		Luật
98.	Hà Thanh Hoà		Tiến sĩ	Luật học		Luật
99.	Nguyễn Việt Khánh Hoà		Thạc sĩ	Luật học		Luật
100.	Nguyễn Ngọc Hòa	Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
101.	Tô Văn Hòa	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
102.	Đỗ Quý Hoàng		Tiến sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
103.	Nguyễn Văn Hợi		Tiến sĩ	Luật học		Luật
104.	Bùi Minh Hồng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
105.	Đỗ Thị Ánh Hồng		Thạc sĩ	Luật học		Luật
106.	Hoàng Quốc Hồng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
107.	Nguyễn Thị Bích Hồng		Thạc sĩ	Luật học		Luật
108.	Ninh Thị Hồng		Thạc sĩ	Luật học		Luật
109.	Tào Thị Huệ		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
110.	Chu Mạnh Hùng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
111.	Nguyễn Mạnh Hùng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
112.	Hà Việt Hưng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
113.	Hoàng Ngọc Hưng		Thạc sĩ	Luật học		Luật
114.	Đỗ Thu Hương		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
115.	Nguyễn Thanh Hương		Thạc sĩ	Xã hội học		Luật
116.	Nguyễn Thị Hương		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
117.	Nguyễn Văn Hương	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
118.	Nhạc Thanh Hương		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
119.	Phan Thị Lan Hương	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
120.	Trần Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng		Luật
121.	Ngô Thị Hường	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
122.	Nguyễn Thị Hường		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
123.	Đặng Quang Huy		Thạc sĩ	Luật học		Luật
124.	Nông Thành Huy		Thạc sĩ	Tin học		Luật
125.	Trần Quang Huy		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
126.	Bùi Thị Huyền	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
127.	Cao Thanh Huyền		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
128.	Đoàn Thanh Huyền		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
129.	Nguyễn Thị Khánh Huyền		Thạc sĩ	Luật học		Luật
130.	Phạm Minh Huyền		Thạc sĩ	Luật học		Luật
131.	Phạm Thị Huyền		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
132.	Phạm Thái Huynh		Thạc sĩ	Sư phạm chính trị		Luật Kinh tế
133.	Tô Duy Khâm		Thạc sĩ	Luật học		Luật
134.	Nguyễn Công Khanh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
135.	Nguyễn Văn Khoa		Tiến sĩ	Lịch sử Đảng		Luật
136.	Trần Thị Thúy Lâm	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
137.	Vũ Gia Lâm		Tiến sĩ	Luật học		Luật
138.	Bùi Thị Ngọc Lan		Tiến sĩ	Luật học		Luật
139.	Nguyễn Thị Lan	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
140.	Nguyễn Thị Hương Lan		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
141.	Vũ Thị Phương Lan		Tiến sĩ	Luật học		Luật
142.	Nguyễn Thị Liên		Thạc sĩ	Tư tưởng Hồ Chí Minh		Luật
143.	Trần Thị Liên		Tiến sĩ	Luật học		Luật
144.	Trần Thị Phương Liên		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
145.	Trần Kim Liễu		Tiến sĩ	Luật học		Luật
146.	Nguyễn Mai Linh		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
147.	Nguyễn Phan Diệu Linh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
148.	Nguyễn Thùy Linh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
149.	Nguyễn Thùy Linh		Thạc sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
150.	Nguyễn Trịnh Ngọc Linh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
151.	Hoàng Thị Loan		Tiến sĩ	Luật học		Luật
152.	Đặng Ngọc Long		Thạc sĩ	Thê dục		Luật
153.	Nguyễn Hoàng Long		Thạc sĩ	Luật học		Luật
154.	Nguyễn Thành Long		Thạc sĩ	Luật học		Luật
155.	Nguyễn Thị Long		Thạc sĩ	Luật học		Luật
156.	Nguyễn Văn Luân		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
157.	Phan Thị Luyên		Tiến sĩ	Xã hội học		Luật
158.	Đỗ Thị Tiến Mai		Thạc sĩ	Nga - Trung		Luật
159.	Lê Thị Ngọc Mai		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
160.	Mai Thị Mai		Tiến sĩ	Luật học		Luật
161.	Ngô Tuyết Mai		Thạc sĩ	Luật học		Luật
162.	Nguyễn Thái Mai		Tiến sĩ	Luật học		Luật
163.	Nguyễn Thị Mai		Tiến sĩ	Luật học		Luật
164.	Nguyễn Tuyết Mai		Tiến sĩ	Luật học		Luật
165.	Phan Thị Thanh Mai		Tiến sĩ	Luật học		Luật
166.	Trần Thị Thanh Mai		Tiến sĩ	Luật học		Luật
167.	Đông Hoàng Minh		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
168.	Lã Nguyễn Bình Minh		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
169.	Bùi Thị Mừng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
170.	Nguyễn Huy Hoàng Nam		Thạc sĩ	Luật học		Luật
171.	Nguyễn Văn Năm		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
172.	Đặng Thanh Nga	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
173.	Nguyễn Thị Nga	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
174.	Nguyễn Thị Thanh Nga		Tiến sĩ	Tâm lý học		Luật
175.	Nguyễn Thị Kim Ngân	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
176.	Ngô Linh Ngọc		Thạc sĩ	Luật học		Luật
177.	Nguyễn Đức Ngọc		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
178.	Tạ Quang Ngọc		Tiến sĩ	Luật học		Luật
179.	Trần Minh Ngọc		Tiến sĩ	Luật học		Luật
180.	Nguyễn Thị Nhân		Thạc sĩ	Tiếng Nga		Luật
181.	Ngô Văn Nhân		Tiến sĩ	Triết học		Luật
182.	Vũ Thị Hoà Như		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
183.	Bùi Hồng Nhung		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
184.	Mai Thị Thanh Nhung		Tiến sĩ	Luật học		Luật
185.	Nguyễn Cẩm Nhung		Thạc sĩ	Triết học		Luật Kinh tế
186.	Nguyễn Thị Hồng Nhung		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
187.	Phạm Thị Phương Nhung		Thạc sĩ	Nga - Trung		Luật
188.	Trần Hồng Nhung		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
189.	Nguyễn Hải Ninh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
190.	Cao Kim Oanh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
191.	Cao Thị Oanh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
192.	Nguyễn Minh Oanh		Tiến sĩ	Luật học		Luật
193.	Trịnh Thị Phương Oanh		Tiến sĩ	Hồ Chí Minh học		Luật
194.	Bùi Xuân Phái		Tiến sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
195.	Trần Danh Phú		Thạc sĩ	Luật học		Luật
196.	Hà Thị Lan Phương		Tiến sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
197.	Hà Thị Minh Phương		Thạc sĩ	Tin học		Luật
198.	Hoàng Thanh Phương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
199.	Hoàng Thị Lan Phương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
200.	Hoàng Thị Minh Phương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
201.	Nguyễn Hiền Phương	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
202.	Nguyễn Thị Phương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
203.	Nguyễn Văn Phương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
204.	Đỗ Thị Phương	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
205.	Hà Thị Hoa Phương		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
206.	Ngô Trọng Quân		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
207.	Nguyễn Trọng Quang		Thạc sĩ	Thể dục		Luật
208.	Nguyễn Văn Quang	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
209.	Dương Văn Quý		Thạc sĩ	Luật học		Luật
210.	Nguyễn Ngọc Quyên		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
211.	Trần Thị Quyên		Tiến sĩ	Luật học		Luật
212.	Trần Thị Quyên		Thạc sĩ	Luật học		Luật
213.	Lý Văn Quyên		Tiến sĩ	Luật học		Luật
214.	Lê Đình Quyết		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
215.	Đặng Hoàng Sơn		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
216.	Trịnh Văn Tài		Thạc sĩ	Luật học		Luật
217.	Đào Thị Tâm		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
218.	Đặng Đình Thái		Thạc sĩ	Triết học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
219.	Nguyễn Toàn Thắng		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
220.	Thái Vĩnh Thắng	Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
221.	Đào Phương Thanh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
222.	Lương Thị Hà Thanh		Thạc sĩ	Luật học		Luật
223.	Lại Thị Phương Thảo		Tiến sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
224.	Nguyễn Thị Thảo		Thạc sĩ	Luật học		Luật
225.	Phạm Nguyệt Thảo		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
226.	Phạm Phương Thảo		Tiến sĩ	Luật học		Luật
227.	Trần Phương Thảo		Tiến sĩ	Luật học		Luật
228.	Nguyễn Thị Anh Thơ		Tiến sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
229.	Nguyễn Văn Thọ		Thạc sĩ	Luật học		Luật
230.	Lương Thị Thoa		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
231.	Nông Thị Thoa		Thạc sĩ	Luật học		Luật
232.	Bùi Thị Thu		Tiến sĩ	Luật học		Luật
233.	Đào Lê Thu		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
234.	Ngô Thị Thu		Thạc sĩ	Thê dục		Ngôn ngữ Anh
235.	Nguyễn Thị Hồng Thu		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
236.	Phạm Thị Giang Thu	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
237.	Vũ Xuân Thuận		Thạc sĩ	Thê dục		Ngôn ngữ Anh
238.	Đoàn Quỳnh Thương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
239.	Dương Thị Thân Thương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
240.	Mạc Thị Hoài Thương		Tiến sĩ	Luật học		Luật
241.	Trần Thị Thương		Thạc sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
242.	Lê Thị Bích Thủy		Tiến sĩ	Luật học		Luật
243.	Nguyễn Thị Thu Thủy		Thạc sĩ	Tin học		Luật
244.	Nguyễn Thu Thủy		Tiến sĩ	Luật học		Luật
245.	Nguyễn Thị Hồng Thúy		Thạc sĩ	Luật học		Luật
246.	Trần Thị Hồng Thúy		Tiến sĩ	Triết học		Ngôn ngữ Anh
247.	Vương Thanh Thúy		Tiến sĩ	Luật học		Luật
248.	Nguyễn Thị Thủy		Tiến sĩ	Luật học		Luật
249.	Phạm Thu Thủy		Tiến sĩ	Luật học		Luật
250.	Trần Thị Thu Thủy		Thạc sĩ	Luật học		Luật
251.	Vũ Thị Duyên Thủy	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
252.	Nguyễn Mai Thuyên		Thạc sĩ	Luật học		Luật
253.	Bùi Thị Minh Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật
254.	Lã Minh Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật
255.	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật
256.	Nguyễn Thu Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật
257.	Nguyễn Thu Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
258.	Nguyễn Thu Trang		Thạc sĩ	Luật học		Ngôn ngữ Anh
259.	Phạm Minh Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật
260.	Phạm Thị Mai Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
261.	Thái Thị Thu Trang		Tiến sĩ	Luật học		Luật
262.	Trần Thị Kiều Trang		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
263.	Vũ Thủy Trang		Thạc sĩ	Tiếng Trung		Luật
264.	Đỗ Xuân Trọng		Tiến sĩ	Luật học		Luật
265.	Đoàn Xuân Trường		Tiến sĩ	Luật học		Luật



Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
266.	Nguyễn Thị Thanh Tú		Tiến sĩ	Luật học		Luật
267.	Nguyễn Đắc Tuấn		Tiến sĩ	Tâm lý học		Luật
268.	Đào Ngọc Tuấn		Tiến sĩ	Triết học		Ngôn ngữ Anh
269.	Trần Anh Tuấn	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
270.	Vũ Văn Tuấn		Tiến sĩ	Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
271.	Phạm Tài Tuệ		Tiến sĩ	Luật học		Luật
272.	Nguyễn Hải Tùng		Thạc sĩ	Thể dục		Luật
273.	Nguyễn Sơn Tùng		Thạc sĩ	Thể dục		Luật
274.	Nguyễn Sơn Tùng		Thạc sĩ	Thể dục		Luật
275.	Đỗ Thị Tươi		Tiến sĩ	Thể dục		Ngôn ngữ Anh
276.	Đặng Thị Hồng Tuyên		Thạc sĩ	Luật học		Luật
277.	Nguyễn Quang Tuyên	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
278.	Nguyễn Văn Tuyên		Tiến sĩ	Luật học		Luật
279.	Phí Thị Thanh Tuyên		Tiến sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
280.	Đào Ánh Tuyết		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
281.	Phạm Văn Tuyết	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
282.	Hà Thị Út		Thạc sĩ	Luật học		Luật
283.	Đoàn Thị Tố Uyên		Tiến sĩ	Luật học		Luật
284.	Đặng Thị Vân	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Tâm lý học		Luật
285.	Nguyễn Đức Việt		Thạc sĩ	Luật học		Luật
286.	Trương Quang Vinh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
287.	Nguyễn Mai Vương		Thạc sĩ	Luật học		Luật
288.	Lê Tiểu Vy		Thạc sĩ	Luật học		Luật
289.	Lê Thị Hải Yên		Thạc sĩ	Luật học		Luật
290.	Lưu Hải Yên		Thạc sĩ	Luật học		Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
291.	Nguyễn Hải Yên		Thạc sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
292.	Nguyễn Ngọc Yên		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
293.	Nguyễn Thị Yên		Thạc sĩ	Luật học		Luật
294.	Nguyễn Thị Yên		Tiến sĩ	Luật học		Luật Kinh tế
295.	Nguyễn Thị Hồng Yên		Tiến sĩ	Luật học		Luật
296.	Trần Thu Yên		Thạc sĩ	Luật học		Luật Thương mại quốc tế
297.	Vũ Thị Hải Yên	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		Luật
<b>Tổng số giảng viên toàn trường: 297</b>						